

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

**Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023
quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện
số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số
điều theo Luật số 09/2022/QH15**

(Tiếp theo Công báo số 963 + 964)

Phụ lục II

MẪU BẢN KHAI CẤP GIẤY PHÉP

*(Kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP
ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ)*

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1b

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....
 Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Vô tuyến điện nghiệp dư ☐ Vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
3.2. Thông số kỹ thuật	Băng tần hoặc tần số (kHz/MHz)	Phương thức phát/ Kiểu điều chế	Công suất phát (W)
Các dải tần số của thiết bị			
Các dải tần số/tần số đề nghị			
3.3. Địa điểm đặt thiết bị	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:	
3.4. Vệ tinh liên lạc (đối với vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh)	Tên vệ tinh:	Quỹ đạo:.....	
4. HỒ HIỆU ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
5. ĐÀI LIÊN LẠC			
6. CHỨNG CHỈ			
6.1. Loại			
6.2. Ngày cấp		6.3. Ngày hết hiệu lực	
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			
8. ĐỐI VỚI KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI			
Xác nhận của tổ chức được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đối với chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài của khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư đến từ những nước chưa ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư với Việt Nam.			
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)			
Họ và tên			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1b

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b được dùng để kê khai cho 1 đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ và tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai thông số sửa đổi, bổ sung trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các thông số giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào ô vô tuyến điện nghiệp dư nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư. Đánh dấu “X” vào ô vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư qua vệ tinh.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Ghi thông số kỹ thuật vào các cột tương ứng.

- Băng tần hoặc tần số: kê khai băng tần số hoặc tần số mà thiết bị được chế tạo làm việc; băng tần hoặc tần số mà tổ chức, cá nhân đề nghị.

- Phương thức phát/Kiểu điều chế: kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: A1A; F2B; F3C; F8E; J3E;.... hoặc ghi Kiểu điều chế đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị trong trường hợp không có thông tin về phương thức phát của thiết bị như SSB, AM,....

- Công suất phát: kê khai các mức công suất được thiết kế, chế tạo của thiết bị.

3.3. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

3.4. Vệ tinh liên lạc:

- Tên vệ tinh: tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E/IS802@174°E.

- Quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây.

4. HỒ HIỆU ĐỀ NGHỊ

Kê khai hồ hiệu theo dãy hồ hiệu Vô tuyến điện nghiệp dư được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không kê khai thông tin này, hồ hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

5. ĐÀI LIÊN LẠC

Kê khai hồ hiệu hoặc tên của các đài vô tuyến điện nghiệp dư có thiết lập liên lạc vô tuyến điện với đài đề nghị cấp giấy phép.

6. CHỨNG CHỈ

Văn bản do các tổ chức được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc văn bản do Cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

6.1. Ghi rõ trình độ của Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư (cấp 1/cấp 2/cấp 3/cấp 4) đối với chứng chỉ do Việt Nam cấp.

Hệ thống Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư gồm:

a) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 1: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 1 kW, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

b) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 2: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 200 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

c) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 3: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 50 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;

d) Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp 4: Người có chứng chỉ này được quyền khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện của một đài vô tuyến điện nghiệp dư trên tất cả các phương thức phát (trừ phương thức phát điện báo CW) với công suất phát ra ăng-ten không vượt quá 20 W, làm việc trên tất cả các băng tần quy định cho nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.

6.2. Ghi rõ ngày cấp.

6.3. Ghi rõ ngày hết hiệu lực của chứng chỉ.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

8. Đối với các trường hợp Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài đến từ những nước chưa ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư với Việt Nam thì phải có xác nhận của tổ chức được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1c
 Áp dụng đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

☐ Cấp..... ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....
 Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ				
2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BẢNG TẦN QUY HOẠCH CHO PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ				
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ. . . . đến . . . (MHz)	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
				☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
				☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
				☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
				☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH				
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		/.....		
5.2. Dải tần số phát đề nghị (MHz)		từ đến (MHz)		
5.3. Dải tần số thu đề nghị (MHz)		từ đến (MHz)		
5.4. Tên vệ tinh liên lạc				
5.5. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (o)				
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....		
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tàu cá kê khai trong một tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tàu cá. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của từng tờ kèm theo tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ

Ghi tên chủ của tàu cá.

2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Ghi số đăng ký tàu cá.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BĂNG TẦN QUY HOẠCH CHO ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ

- Kê khai loại thiết bị, ví dụ: MF/HF, VHF,...
- Kê khai tên của thiết bị, ví dụ: Yeasu FT-450, Vertex VX-1700,...
- Kê khai công suất phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị của thiết bị theo đơn vị Watt (W)
- Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

- Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

+ Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 4.

+ Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

+ Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUẢ VỆ TINH

5.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị. Ví dụ: MARINESTAR MNB-01, ST6100, BK88VN, BA-SAT-01, ...

5.2. Kê khai dải tần số phát đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616-1626,5MHz; 1626,5-1660,5MHz.

5.3. Kê khai dải tần số thu đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616-1626,5MHz; 1525-1559MHz.

5.4. Kê khai tên vệ tinh liên lạc. Ví dụ: Inmarsat-I4, Thuraya,...

5.5. Kê khai vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây. Ví dụ: 143,5°E

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

☐ **Cấp** ☐ **Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....****Tờ số:...../ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....**

1. LOẠI ĐÀI:	☐ Phát thanh tương tự ☐ Phát thanh số ☐ Truyền hình số ☐ Khác:.....		
1.1. Giấy phép hoạt động báo chí theo quy định đối với Cơ quan báo chí.	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có)	Số		Ngày cấp
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày
2. LOẠI MẠNG	☐ Đơn tần ☐ Đa tần ☐ Khác:.....		
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP			
Tên kênh chương trình		Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)	
6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.4. Băng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.8. Tên/Mã trạm			
6.9. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:
7. ĂNG-TEN			

7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	
7.3. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (o):		
7.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.6. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E/Vĩ độ: N		
7.7. Cấu trúc bố trí			
8. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT			
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)			
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)			
10.3. Chế độ thu (Reception mode)			
10.4. Kiểu điều chế			
10.5. Tỷ lệ mã			
10.6. Pilot pattern			
11. PHẦN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BẰNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ)			
11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)			
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio - dB)			
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ⁰ (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)			
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			
13. ĐỐI VỚI ĐÀI PHÁT THANH KHÔNG PHẢI LÀ CƠ QUAN BÁO CHÍ			
Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình được kê khai tại Mục 3, Mục 5 của bản khai trên hệ thống phát thanh: QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾ <i>(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)</i> Họ và tên			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

1. LOẠI ĐÀI

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh tương tự" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh FM.

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Khác" nếu chưa thuộc các loại trên và kê khai rõ loại đài phát sóng.

1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, đài truyền thanh cấp huyện

Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

1.2. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định.

1.3. Kê khai giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng (nếu có).

2. LOẠI MẠNG

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

- Khác: ghi rõ nếu không phải đơn tần, không phải đa tần.

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Đối với phát thanh tương tự: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với phát thanh số: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

Đối với truyền hình số:

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định).

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số....

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Kê khai danh sách các kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép. Đối với phát thanh số/truyền hình số kê khai thêm tốc độ bit tối đa/tối thiểu (tính theo Mbit/s)

6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

6.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

6.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

6.3. Kê khai mức công suất phát sóng đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)

6.4. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

6.5. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM...

6.6. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)

6.7. Ký hiệu phát xạ:

- Đối với phát thanh tương tự: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).
- Đối với phát thanh số: kê khai theo quy định. Ví dụ: 1M54X7EXF.
- Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF.

6.8. Kê khai Tên/mã trạm đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hồ hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

6.9. Địa điểm đặt: kê khai đầy đủ địa chỉ đặt thiết bị, tên trụ sở đặt thiết bị, địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh)).

7. ĂNG-TEN

7.1. Kiểu (Nhãn hiệu): kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Tài liệu kỹ thuật (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

7.2. Phân cực: kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

7.3. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

7.4. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

7.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

7.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

7.7. Cấu trúc bố trí: kê khai việc bố trí ăng-ten theo thực tế triển khai.

8. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng - ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

9. GIỜ HOẠT ĐỘNG

Kê khai giờ hoạt động đề nghị. Đối với các Cơ quan báo chí giờ hoạt động kê khai theo Giấy phép hoạt động báo chí. Trường hợp hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx".

10. THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): 1/4; 1/8; 1/16...

10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): 2k; 8k...

10.3. Chế độ thu (Reception mode): kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

10.4. Kiểu điều chế: kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

10.5. Tỷ lệ mã: kê khai tỷ lệ mã của thiết bị.

10.6. Pilot pattern: kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

11. THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF (Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế).

11.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: kê khai rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: kê khai tăng ích ăng-ten theo các hướng 0, 10, 20, ... 350⁰: áp dụng đối với ăng-ten có hướng

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

13. ĐỐI VỚI ĐÀI PHÁT THANH KHÔNG PHẢI LÀ CƠ QUAN BÁO CHÍ:

- Xác nhận đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình phát sóng nào (ghi rõ tên các kênh chương trình) được kê khai tại Mục 3 của bản khai trên hệ thống phát thanh đối với các tổ chức không phải là cơ quan báo chí (ví dụ đài truyền thanh cấp huyện, doanh nghiệp,...)

- Ghi rõ quyền hạn, chức vụ của người ký, ký tên và đóng dấu đối của UBND cấp huyện sở tại đối với văn bản giấy hoặc chữ ký số của UBND cấp huyện sở tại đối với văn bản điện tử.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1đ

Áp dụng đối với đài truyền thanh không dây

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....
 Tờ số:...../ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm		☐ 2 năm	☐ 3 năm ☐ Khác:.....
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
3.2. Công suất máy phát (W)			
3.3. Băng tần phát (MHz)		Từ MHz đến MHz	
3.4. Ký hiệu phát xạ		☐ 100KF3E ☐ Khác:.....	
3.5. Tần số phát đề nghị (MHz) (nếu có)			
3.6. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã: Quận/huyện: Tỉnh/thành phố:	
4. ĂNG-TEN			
4.1. Kiểu		4.2. Phân cực	
4.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		4.4. Độ cao so với mặt đất (m)	
4.5. Hướng tính		☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (o):	
4.6. Vị trí (tọa độ)		Kinh độ:..... E/Vĩ độ : N	
5. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			
7. Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình phát thanh được kê khai tại Mục 1 của bản khai:			
.....			
.....			
.....			
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ <i>(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)</i>			
Họ và tên			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ được dùng để kê khai cho 1 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi sửa đổi, bổ sung theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: ghi rõ phát sóng/phát lại chương trình phát thanh

2. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

3.3. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

3.4. Ký hiệu phát xạ: 100KF3E.

3.5. Tần số phát đề nghị: Kê khai tần số phát đề nghị cấp phép (nếu có).

3.6. Địa điểm đặt: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã, quận (huyện), thành phố (tỉnh)).

4. ĂNG-TEN:

4.1. Kiểu: kê khai tên, ký hiệu của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

4.2. Phân cực: Kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: đứng, ngang, tròn,...).

4.3. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

4.4. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

4.5. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

4.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

5. TỔN HAO (DB) (nếu có):

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có): kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

7. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN SỞ TẠI

- Phải có xác nhận đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình phát thanh nào trên đài truyền thanh không dây (ghi rõ tên các kênh chương trình) được kê khai tại Mục 1 của bản khai.

- Ghi rõ quyền hạn, chức vụ của người ký, ký tên và đóng dấu đối của UBND cấp huyện sở tại đối với văn bản giấy hoặc chữ ký số của UBND cấp huyện sở tại đối với văn bản điện tử.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	TRẠM “THỨ NHẤT”	TRẠM “THỨ HAI”		
4.1. Tên/mã trạm đề nghị				
4.2. Kinh độ	E	E		
4.3. Vĩ độ	N	N		
4.4. Cự ly tuyến (km)				
4.5. Địa điểm đặt				
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã				
Quận/huyện				
Tỉnh/thành phố				
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
5.1. Tên thiết bị				
5.2. Hãng sản xuất				
5.3. Dải tần số thu (MHz)				
5.4. Dải tần số phát (MHz)				
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)				
5.6. Băng thông (MHz)				
5.7. Công suất phát (dBm)				
5.8. Kiểu điều chế				
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)				
5.10. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)				
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)				
6. ĂNG-TEN				
6.1. Tên				
6.2. Hãng sản xuất				
6.3. Hướng tính				
6.4. Kích thước				
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)				
6.6. Phân cực				
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)				
6.8. Giảm đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung một số nội dung giấy phép đã được cấp đối với tuyến truyền dẫn vi ba.

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e được dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều tuyến vi ba hoặc một tuyến vi ba dùng nhiều tần số hoặc phân cực khác nhau. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích gì. Ví dụ: truyền dẫn nội tỉnh, truyền dẫn trong mạng thông tin di động,....

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM

4.1. Tên/mã trạm đề nghị được sử dụng cho tuyến vi ba.

4.2. Kê khai Kinh độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

4.3. Kê khai Vĩ độ của theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

4.4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.

4.5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- 5.1. Khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- 5.2. Khai tên hãng sản xuất của thiết bị.
- 5.3. Khai dải tần số thu mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.4. Khai dải tần số phát mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- 5.5. Khai tần số phát đề nghị (MHz).
- 5.6. Khai băng thông của thiết bị (MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.
- 5.7. Khai công suất phát (dBm).
- 5.8. Khai các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK...
- 5.9. Khai hệ số tạp âm (dB) của máy thu.
- 5.10. Khai độ nhạy của máy thu (dBm).
- 5.11. Khai suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.
- 5.12. Khai dự trữ pha-đỉnh theo đơn vị dB. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.

6. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ĂNG-TEN

- 6.1. Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật (VD:
- 6.2. Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không có tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, v.v...)
- 6.3. Hướng tính của ăng-ten: có hướng (D) hay vô hướng (ND).
- 6.4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
- 6.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).
- 6.6. Khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...
- 6.7. Khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi
- 6.8. Giản đồ bức xạ: đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giản đồ; đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC: Khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG				
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG				
6. CẤU HÌNH MẠNG	☐ Đơn công			
	☐ Song công/Bán song công		Khoảng cách thu/phát (MHz):	
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG				
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất				
7.2. Các mức công suất phát (W)				
7.3. Ký hiệu phát xạ				
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)				
7.5. Ăng-ten	Hệ số khuếch đại (dBi)			
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)				
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất				
8.2. Các mức công suất phát (W)				
8.3. Ký hiệu phát xạ				
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)				
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:	
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)				
8.7. Ăng-ten	a. Tên (nhãn hiệu)			
	b. Dải tần làm việc			
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)			
	d. Độ cao so với mặt đất (m)			
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị		
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)		Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi quận/huyện thì phải ghi địa chỉ quận/huyện A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu “X” vào ô “Đơn công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc “Song công/Bán song công” nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng có thiết bị cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C,...). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga - chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....
 Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ: E	Vĩ độ:.....N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát (W)			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....
6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu “X” vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6.TÀN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h

Áp dụng đối với đài tàu

☐ **Cấp** ☐ **Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....**
Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. TÊN CHỦ TÀU					
2. TÊN TÀU					
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)					
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU					
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,...)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ... đến... (kHz/MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
					☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1h

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h sửa đổi, bổ sung.

1. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

2. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES). Lưu ý: ghi tên tàu đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

3. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)
- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị
- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

+ Đánh dấu X vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

+ Đánh dấu X vào ô “Hủy bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

+ Đánh dấu X vào ô “Thay thế” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1i
 Áp dụng đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....
 Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)		
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....		
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN		
3.1. Tên thiết bị phát/Hãng sản xuất		
3.2. Công suất phát tối đa		
3.3. Dải tần thiết bị (kHz)		
3.4. Ký hiệu phát xạ		
3.5. Tên/mã trạm (nếu có)		
3.6. Đối tượng liên lạc		
3.7. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
	Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:
4. ĂNG-TEN		
4.1. Kiểu (nhãn hiệu)		
4.2. Độ cao so với mặt đất (m)		
4.3. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E/Vĩ độ:..... N	
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1i

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP:

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.

3.3. Kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 1600 kHz đến 30000 kHz).

3.4. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E,...

3.5. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do Cơ quan cấp phép quy định.

3.6. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

3.7. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

4. ĂNG-TEN:

4.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C,...). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga - chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

4.2. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

4.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của vị trí đặt ăng-ten.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN					
4.1. Hồ hiệu (tên/mã đài)					
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....			
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu			
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /			
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)			
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)			
4.7. Công suất phát (W)					
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:...../Thu:.....			
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:		
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....			
5. ĂNG-TEN					
5.1. Tên (nhãn hiệu)/Hãng sản xuất				5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:.....E/Vĩ độ:.....N			
5.4. Độ rộng búp sóng (o)		Phát:..... /Thu:.....			
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... /Thu:.....			
5.6. Góc phương vị lớn nhất/nhỏ nhất (°)		/.....		5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)					

5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kinh độ:.....E/Vĩ độ:.....N
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N:..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):.....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên đài tàu).

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15/10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “X” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

5.11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC - 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC - 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều - nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

c) Mẫu Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

2. Mẫu Bản khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần - Mẫu 2

Mẫu 2

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
	Cơ quan quản lý thuế		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày.... Đến ngày:.....	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
1.5. Số điện thoại			
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)	☐ 15 năm ☐ Khác:.....		
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....		
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			

6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số..... ☐ Gia hạn cho giấy phép số..... ☐ Cấp đổi cho giấy phép số..... ☐ Cấp lại	
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG		
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng	
	8.2. Công nghệ sử dụng	
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ	
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ	
	8.3. Các tham số khác (nếu có)	
9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)		
10. ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định).		
Số điện thoại di động:..... Email:.....		
11. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		
12. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 12.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 12.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 12.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 12.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.		

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI CẤP, CẤP LẠI, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN (MẪU 2)

I. PHÂN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 4, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,

115 Trần Duy Hưng - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tàn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, khu phố 5, phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179; Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539, đường Trần Hưng Đạo, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545; Fax: 0236.3933707

Khu vực 5: Số 783, Đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857 / Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364, đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511; Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567; Fax: 0258.3824410.

Khu vực 4: Số 170, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760; Fax: 0292.3887087

Khu vực 8: Phường Dừa Lâu, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

- Mẫu 2:** Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.
- Số:** Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.
- Mục 1.** Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp đổi, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).
- Mục 1.1.** Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.
- Mục 1.2.** Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.
- Mục 1.3.** Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Mục 1.4.** Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.
- Mục 1.5.** Kê khai số điện thoại liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2.** Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, ...
- Mục 3.** Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).

- Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc các hình thức trực tuyến khác đối với tổ chức có tài khoản trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác" và điền thông tin hình thức trực tuyến khác nhận kết quả ví dụ email hoặc các hình thức điện tử khác thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến theo thông tin với tổ chức cung cấp.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp một (01) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 7. Kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, quận/huyện...) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:
- 8.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
- 8.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).

8.2.1. kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.

8.2.2. kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).

Mục 9. kê khai cấu hình mạng lưới.

Mục 10. kê khai email và số điện thoại di động của tổ chức đề nghị cấp phép để Cơ quan quản lý cấp tài khoản điện tử đồng thời để gửi các thông tin hỗ trợ. Chỉ kê khai thông tin tại mục này cho đến thời điểm bắt buộc sử dụng mã định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật.

Mục 11. kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

Ký tên,
đóng dấu Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

3. Mẫu Bản khai đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh

Mẫu 3

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
	Cơ quan quản lý thuế		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số	Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
1.5. Số điện thoại			
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....		
3. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Gia hạn cho giấy phép số ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ☐ Cấp đổi cho giấy phép số		
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, gia hạn)	☐ 15 năm ☐ Khác:.....		
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)			
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép			

6. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
8. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 8.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 8.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. 8.3. Chấp hành quy định pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện. 8.4. Chấp hành quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh. 8.5. Nộp phí, lệ phí theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có). 8.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày..... tháng..... năm.....
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

PHỤ LỤC THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC QUỸ ĐẠO VỆ TINH

1. SỐ LIỆU VỆ TINH					
1.1. Tên vệ tinh (tên thương mại)					
1.2. Vị trí quỹ đạo (đối với vệ tinh địa tĩnh)					
1.3. Số mặt phẳng quỹ đạo (đối với vệ tinh phi địa tĩnh)					
1.4. Nhà sản xuất vệ tinh					
1.5. Khung vệ tinh					
1.6. Ngày phóng vệ tinh					
1.7. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh					
2. BẢNG TẦN					
Băng tần	Dải tần số ấn định theo từng bộ phát đáp (MHz)	Phân cực	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Số lượng bộ phát đáp	Vùng phủ/vùng dịch vụ
S	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
C	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
X	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Ku	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Ka	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Khác	Tx ₁ :				
	Rx ₁ :				
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					

3. THAM SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VỆ TINH				
Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giản đồ ăng-ten, . . .) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) tại hồ sơ vệ tinh của mục 4 của bản khai.				
4. HỒ SƠ VỆ TINH (Vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)				
	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3	
4.1. Hồ sơ vệ tinh với ITU (Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)				
4.2. Số nhận dạng mạng vệ tinh				
4.3. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng				
4.4. Ngày xác định quyền ưu tiên				
4.5. Mã hồ sơ				
■ API/A/				
■ CR/C				
■ RES49/				
■ Part I-S				
■ Part II-S				
■ Part III-S				
4.6. Vệ tinh địa tĩnh				
■ Vị trí quỹ đạo				
■ Độ lệch trái				
■ Độ lệch phải				
■ Độ lệch nghiêng				
4.7. Vệ tinh phi địa tĩnh				
4.7.1. Số mặt phẳng quỹ đạo				
4.7.2. Vật thể tham chiếu				
4.7.3. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu				
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm cực viễn (km)	Điểm cực cận (km)
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Đối với cấp: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai, các thông số kỹ thuật khai thác tại phụ lục (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).
- Đối với cấp đổi: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1, 2, 3 trong bản khai. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị cấp đổi.
- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1, 2, 3, 4, 5 trong bản khai. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.
- Đối với sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các trường thông tin khác trong bản khai thông số kỹ thuật, khai thác tại phụ lục chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép, các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,

115 Trần Duy Hưng - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564913

Khu vực 5: Số 783, Đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/Fax: 0225.3827420

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lưu, khu phố 5, phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179; Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539, đường Trần Hưng Đạo, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545; Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: Số 170, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760; Fax: 0292.3887087

Khu vực 6: Số 364, đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511; Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567; Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/
0210.3840504 Fax: 0210.3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3 Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

Mục 1.2. Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Mục 1.4. Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.

- Mục 1.5. Kê khai số điện thoại liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.
- Mục 2. Tổ chức lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:
- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc các hình thức trực tuyến khác đối với tổ chức có tài khoản trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác" và điền thông tin hình thức trực tuyến khác nhận kết quả ví dụ email hoặc các hình thức điện tử khác thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến theo thông tin với tổ chức cung cấp.
- Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua dịch vụ bưu chính.
- Mục 3. Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi.
- Mục 4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033" (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp một (01) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:
- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
- Mục 6. Kê khai email và số điện thoại di động của tổ chức đề nghị cấp giấy phép để Cơ quan quản lý cấp tài khoản điện tử đồng thời để gửi các thông tin hỗ trợ. Chỉ kê khai thông tin tại mục này cho đến thời điểm bắt buộc sử dụng mã

định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật.

Mục 7 Ghi các thông tin khác ngoài các thông tin nêu trên nếu có.

Ký tên,
đóng dấu Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác quỹ đạo vệ tinh

1. SỐ LIỆU VỆ TINH

1.1. Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.

1.2. Khai khai đối với vệ tinh địa tĩnh: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

1.3. Khai khai đối với vệ tinh phi địa tĩnh: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

1.4. Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.

1.5. Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.

1.6. Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày/tháng/năm.

1.7. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

2. BẢNG TẦN

- Bảng tần: bảng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: bảng tần S, C, X, Ku, Ka hoặc bảng tần khác thì ghi vào mục khác.

- Dải tần số ấn định (MHz): kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ: 3400-3700 (MHz), 6425-6725 (MHz).

- Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng.

Tuyến tính	☐ Đứng	và/hoặc	☐ Ngang
Tròn	☐ Trái	và/hoặc	☐ Phải

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại bảng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ bảng tần Ku.

- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Bảng tần	Dải tần số ấn định theo từng bộ phát đáp (MHz)	Phân cực	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Số lượng bộ phát đáp	Vùng phủ
C	Tx ₁ : 3406-3442	Đứng	36	12	
	Rx ₁ : 6431-6467	Đứng	36		
	Tx ₂ : 3446-3482		36		
	Rx ₂ : 6471-6507		36		
			...		
	Tx ₁₂ : ...		36		
	Rx ₁₂ : ...		36		

- Vùng phủ/vùng dịch vụ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại bảng tần.

3. THAM SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VỆ TINH

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (ví dụ: mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

4. HỒ SƠ VỆ TINH

4.1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

4.2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

4.3. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: ghi theo ngày/tháng/năm.

4.4. Ngày xác định quyền ưu tiên (ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

4.5. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (ví dụ: mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)

4.6. kê khai đối với vệ tinh địa tĩnh:

- Vị trí quỹ đạo vệ tinh: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

- Độ lệch trái (theo độ): độ lệch về bên trái so với vị trí quỹ đạo.

- Độ lệch phải (theo độ): độ lệch về bên phải so với vị trí quỹ đạo.

- Độ lệch nghiêng (theo độ).

4.7. kê khai đối với vệ tinh phi địa tĩnh.

4.7.1. Số mặt phẳng quỹ đạo: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

4.7.2. Vật thể tham chiếu: là trái đất, mặt trăng, mặt trời, ...

4.7.3. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu bao gồm các thông tin: số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo, chu kỳ, độ cao điểm cực viễn tính theo km, độ cao điểm cực cận tính theo km cho mỗi hồ sơ.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ghi các thông tin khác không có trong bản khai nếu có.

Phụ lục III
MẪU GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP
ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu	Giấy phép
1a	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l.
1b	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.
1c	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.
1d	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình.
1đ	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây.
1e	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba.
1g1	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.
1g2	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.
1h	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu
1i	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.
1l	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài bờ.
1m	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)
2	Giấy phép sử dụng băng tần.
3a	Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh đối với vệ tinh địa tĩnh.
3b	Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh đối với vệ tinh phi địa tĩnh.

Mẫu 1a

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...⁽⁴⁾

.....⁽³⁾, ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm.... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của... (tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị vô tuyến điện:

Tên thiết bị:

Công suất phát:

4. Địa điểm đặt thiết bị:

5. Ăng-ten:

Kiểu:

Độ cao so với mặt đất (m):

Phân cực:

Hệ số khuếch đại (dBi): Hướng tính: Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):

Vị trí:

Kinh độ:

E ' "

Vĩ độ: N ' "

6. Tần số ấn định:

Tần số phát:

Tần số thu:

Ký hiệu phát xạ:

7. Tên/mã trạm:**8. Đối tượng liên lạc:****9. Các quy định khác:****Điều 2.** Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾
(*Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu
của cơ quan, tổ chức*)

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...⁽⁴⁾

...(3)...., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm.... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của... (tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị vô tuyến điện:

Tên thiết bị:

Công suất phát (W):

Băng tần (hoặc tần số) ấn định:

Phương thức phát:

4. Địa điểm đặt thiết bị:

5. Hô hiệu:

6. Đối tượng liên lạc:

7. Vệ tinh liên lạc:

8. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện phải có chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾

*(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu
của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

1. Tại thời điểm đầu và cuối các phiên liên lạc, đài vô tuyến điện nghiệp dư phải phát hô hiệu hoặc các nhận dạng đã được ghi trong giấy phép. Nếu phiên liên lạc kéo dài thì ít nhất cứ 10 phút một lần, đài vô tuyến điện nghiệp dư phải nhắc lại hô hiệu của mình.

a) Với phương thức mã Morse quốc tế (CW): tốc độ không được quá 20 từ trong một phút;

c) Với phương thức truyền chữ trực tiếp (RTTY): phải dùng mã số quy định;

d) Với phương thức đơn biên: phải phát hồ hiệu ở dải tần hẹp.

3. Mọi liên lạc phải được ghi rõ ràng trong nhật biên và phải trình sổ nhật biên này cho nhân viên kiểm tra có thẩm quyền khi được yêu cầu.

4. Mẫu nhật biên:

Tên đài vô tuyến điện nghiệp dư (ghi hô hiệu của đài):.....

Dià chi.....

[illegible]

Mẫu 1c

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(4)

...(3)..., ngày... tháng ... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

*Cấp lần đầu ngày**Có giá trị đến hết ngày*

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của... (tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo các quy định sau đây:

1. Thiết bị vô tuyến điện hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho phương tiện nghề cá

STT	Tên thiết bị	Công suất phát của thiết bị (W)	Băng tần hoặc tần số ấn định (MHz)
1	...	...	
2	..	..	..

Các quy định khác:

2. Thiết bị giám sát hành trình tàu cá qua vệ tinh

Tên thiết bị	Bảng tần phát (MHz)	Bảng tần thu (MHz)	Vệ tinh liên lạc	Quỹ đạo

Các quy định khác: thiết bị giám sát hành trình tàu cá qua vệ tinh chỉ được sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của các doanh nghiệp viễn thông đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép.

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾
(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

HƯỚNG DẪN KHAI THÁC

- 1. Tần số làm việc:**
- 2. Tần số gọi bắt liên lạc và phát tin cấp cứu:**
- 3. Tần số thu dự báo thiên tai:**
- 4. Tần số liên lạc với Đoàn biên phòng:**
- 5. Các tần số cấp cứu hàng hải quốc tế:**

Mẫu 1d

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(4)

...(3) ..., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm.... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của ... (tên tổ chức) ...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Loại mạng:

4. Thiết bị vô tuyến điện:

Tên thiết bị:

Ký hiệu phát xạ:

Công suất phát:

Hệ tiêu chuẩn:

5. Địa điểm đặt thiết bị:

6. Ăng-ten:

Kiểu:

Hệ số khuếch đại (dBi):

Độ cao so với mặt đất (m):

Phân cực:

Hướng tính: Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):

Vị trí

Kinh độ: E ' "

Vĩ độ: N ' "

7. Tần số ấn định:

Tần số:

Kênh:

8. Công suất phát xạ hiệu dụng ERP:**9. Tên/mã trạm:****10. Giờ hoạt động:****11. Các thông số kỹ thuật đối với thiết bị truyền hình số, phát thanh số mặt đất để tính toán vùng phủ, nhiễu có hại:**

Kiểu điều chế:

Khoảng bảo vệ:

Số lượng sóng mang:

Tỉ lệ mã:

Chế độ thu:

Pilot pattern:

12. Các quy định khác:**Điều 2.** Trong quá trình hoạt động, tổ chức có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu
của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.³ Địa danh.⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

Mẫu 1d

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(4)

...(3) ..., ngày ... tháng ... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của ... (tên tổ chức)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị vô tuyến điện:

Tên thiết bị:

Ký hiệu phát xạ:

Công suất phát (W):

4. Địa điểm đặt thiết bị:

5. Ăng-ten:

Kiểu: Hệ số khuếch đại (dBi): Độ cao so với mặt đất (m):

Phân cực: Hướng tính: Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):

Vị trí Kinh độ: E ' " Vĩ độ: N ' "

6. Tần số ấn định (MHz):

7. Công suất phát xạ hiệu dụng ERP (dBW):

8. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾
(*Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu
của cơ quan, tổ chức*)

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

Mẫu 1e

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../... (4)

...⁽³⁾..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày

Có giá trị đến hết ngày..

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(5)

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm.... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của ... (tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Đặc điểm và thông số kỹ thuật của từng thiết bị vô tuyến điện

3.1. Thiết bị vô tuyến điện:	Thiết bị thứ nhất	Thiết bị thứ hai
Tên thiết bị		
Công suất phát (dBm)		
Ký hiệu phát xạ		
3.2. Địa điểm đặt thiết bị		
3.3. Ăng-ten		
Kiểu ăng-ten		
Kích thước (m)		

Độ cao so với mặt đất (m)		
Phân cực		
Hệ số khuếch đại (dBi)		
Vị trí (Kinh độ/Vĩ độ)	E ' " / N ' "	E ' " / N ' "
3.4. Tần số ấn định	<i>(Chi tiết theo DM.1e⁽⁷⁾ kèm theo)</i>	<i>(Chi tiết theo DM.1e⁽⁷⁾ kèm theo)</i>
3.5. Băng thông (MHz)		
3.6. Tên/mã trạm		

4. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾

*(Chữ ký của người có thẩm quyền
và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

- ¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.
- ² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.
- ³ Địa danh.
- ⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.
- ⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.
- ⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.
- ⁷ Danh mục các tần số ấn định áp dụng trong trường hợp cấp phép từ 2 kênh tần số trở lên cho cùng một tuyến vi ba.

DM.1e

DANH MỤC CÁC TẦN SỐ ẮN ĐỊNH

STT	Tần số phát của Thiết bị thứ nhất (MHz)	Tần số phát của Thiết bị thứ hai (MHz)	Ký hiệu phát xạ	Băng thông (MHz)	Phân cực ăng-ten

Mẫu 1g1

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(4)

...⁽³⁾..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

*Cấp lần đầu ngày.....**Có giá trị đến hết ngày.....*

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của ... (tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Danh mục thiết bị vô tuyến điện: (Chi tiết theo DM.1g1 kèm theo)

4. Tổng số thiết bị trong mạng:

5. Phạm vi hoạt động:

6. Tần số ấn định:

7. Ký hiệu phát xạ:

8. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾
*(Chữ ký của người có thẩm quyền
và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

DM.1g1

DANH MỤC THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Thiết bị cố định:

STT	Tên thiết bị	Địa điểm đặt	Công suất phát (W)	Ăng-ten					Tần số (MHz)		Tên/mã trạm
				Kiểu	Độ cao so với mặt đất (m)	Hệ số khuếch đại (dBi)	Kinh độ	Vĩ độ	Phát	Thu	

Thiết bị di động:

STT	Tên thiết bị	Công suất phát lớn nhất (W)	Hệ số khuếch đại ăng-ten lớn nhất (dBi)	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)	Tần số (MHz)	
					Phát	Thu

Mẫu 1g2

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(4)

...⁽³⁾ ..., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của ... (tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị vô tuyến điện:

Loại: thiết bị bộ đàm

Công suất phát lớn nhất (W):

Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m):

Tổng số thiết bị trong mạng:

4. Phạm vi hoạt động:

Địa chỉ:

Kinh độ:

E ' "

Vĩ độ: N ' "

5. Tần số ấn định:

6. Ký hiệu phát xạ:

7. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾

*(Chữ ký của người có thẩm quyền
và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép (cấp hoặc gia hạn).

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

Mẫu 1h

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
SHIP STATION LICENCE

Số/No.....

Cấp lần đầu ngày (Date of first issue).....

Có giá trị đến hết ngày (Expiry date):.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾
AUTHORIZED OFFICIAL

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Pursuant to the Law on radio frequencies dated November 23rd, 2009 and Amendments and supplements to some Articles of the Law on radio frequencies dated November 09th, 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Pursuant to Decree No..../2023/NĐ-CP dated..., ..., 2023 of the Government on detailing and guiding procedures for some Articles of the Law on radio frequencies No. 42/2009/QH12 dated November 23rd, 2009 and Amendments and supplements to some Articles of the Law on radio frequencies No. 09/2022/QH15 dated November 09th, 2022;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Pursuant to the Minister of Information and Communication's Decision No. /QĐ-BTTTT dated ..., ..., ..., defining the functions, tasks, powers and organizational structure of the Authority of Radio Frequency Management;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của:.....

At the application of:.....

NAY CHO PHÉP ALLOWES

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

Article 1. Licensee:

To use radio frequencies and equipments of ship station in accordance with the following provisions

TÊN TÀU Name of ship	NHẬN DẠNG ĐÀI TÀU Identification of the ship station			CHỦ TÀU Owner of ship
	Hồ hiệu Call sign	MMSI	Nhận dạng khác Other Identification	

LOẠI THIẾT BỊ Equipment Type	TÊN THIẾT BỊ Equipment Model	CÔNG SUẤT (W) Tx Power (W)	PHƯƠNG THỨC PHÁT Class of Emission	BĂNG TẦN HOẶC TẦN SỐ ẮN ĐỊNH Frequency Bands or Assigned Frequencies

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam và Thẻ lệ vô tuyến điện. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

Article 2. During the operation, Licensee is responsible for the observance of the provisions of Vietnamese law and Radio Regulations. The operator of ship station must have a certificate as prescribed.

Điều 3. Các quy định khác:

Article 3. Other conditions:

....., ngày... tháng ... năm ...

....., day ... month ... year...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾

AUTHORITY, POSITION OF SIGNATORY

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền

và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)

(Signature, full name of authorized official

and stamp of the authority)

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

Mẫu 1i

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../... (4)

...⁽³⁾ ..., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày..

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của... (tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị vô tuyến điện:

Tên thiết bị:

Công suất phát (W):

Ký hiệu phát xạ:

4. Địa điểm đặt thiết bị:

5. Ăng-ten:

Kiểu:

Độ cao so với mặt đất (m):

Vị trí: Kinh độ:

E ' "

Vĩ độ: N ' "

6. Tần số ấn định:

Tần số gọi (kHz):

Tần số liên lạc/Tần số truyền dữ liệu (kHz):

7. Tên/mã trạm:**8. Đối tượng liên lạc:****9. Các quy định khác:**

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾
*(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và
đóng dấu của cơ quan tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG TẦN SỐ

1. Tần số gọi:
2. Tần số liên lạc/Tần số truyền dữ liệu:
3. Tần số thu tin cấp cứu, an toàn cứu nạn:
4. Lưu ý:

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.... /.....⁽⁴⁾

...(3)...., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số..../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của...(tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Số lượng thiết bị chính:

Số lượng thiết bị dự phòng:

4. Thiết bị vô tuyến điện:

(Chi tiết theo DM.11 kèm theo)

5. Tần số ấn định:

(Chi tiết theo DM.11 kèm theo)

6. Ký hiệu phát xạ:

7. Đối tượng liên lạc:

8. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾

*(Chữ ký của người có thẩm quyền
và đóng dấu của cơ quan tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

DM.11

DANH MỤC TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**Thiết bị cố định:**

STT	Tên thiết bị	Địa điểm đặt	Công suất phát (W)	Ăng-ten					Tần số (MHz)		Tên/mã trạm
				Kiểu	Độ cao so với mặt đất (m)	Hệ số khuếch đại (dBi)	Kinh độ	Vĩ độ	Phát	Thu	

Thiết bị di động:

STT	Tên thiết bị	Công suất phát lớn nhất (W)	Hệ số khuếch đại ăng-ten lớn nhất (dBi)	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)	Tần số (MHz)	
					Phát	Thu

Mẫu 1m

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(4)

...⁽³⁾..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(5)

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của ... (tên tổ chức, cá nhân)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị vô tuyến điện:

Tên thiết bị:

Công suất phát:

Địa điểm đặt thiết bị:

4. Ăng-ten phát/thu:

Kiểu:

Kích thước (m):

Độ cao so với mặt đất (m):

Hệ số khuếch đại (dBi) phát/thu:

Phân cực phát/thu:

Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):

Góc ngảng (°):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ' " Vĩ độ: N ' "

5. Tần số ấn định: (Chi tiết theo DM.1m⁽⁷⁾kèm theo)

Tần số (băng tần) phát:

Tần số (băng tần) thu:

Ký hiệu phát xạ phát/thu:

6. Tên/mã trạm:

7. Vệ tinh liên lạc:

Vị trí quỹ đạo:

8. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾

*(Chữ ký của người có thẩm quyền
và đóng dấu của cơ quan tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

² Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép.

³ Địa danh.

⁴ Ký hiệu viết tắt của giấy phép.

⁵ Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

⁶ Quyền hạn chức vụ người ký.

⁷ Danh mục các tần số ấn định trong trường hợp cấp phép nhiều tần số (băng tần) cho một đài trái đất.

DM.1m

DANH MỤC CÁC TẦN SỐ (BĂNG TẦN) ẮN ĐỊNH

STT	Tần số (băng tần) phát	Phân cực ăng-ten phát	Ký hiệu phát xạ phát	Tần số (băng tần) thu	Ký hiệu phát xạ thu	Phân cực ăng-ten thu

Mẫu 2

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

Cấp lần đầu ngày.....

Có hiệu lực từ ngày.....đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Giấy phép viễn thông số..... ngày.....của (tên tổ chức);

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của... (tên tổ chức)...

NAY CHO PHÉP**Điều 1. Tổ chức:**

Địa chỉ:

Được sử dụng đoạn băng tần theo các quy định sau đây:

- 1. Mục đích sử dụng:**
- 2. Loại nghiệp vụ:**
- 3. Băng tần hoạt động:**
- 4. Phạm vi phủ sóng:**
- 5. Các mức giới hạn phát xạ:**
- 6. Điều kiện khai thác:**

Điều 2. Các quy định khác:

Điều 3. Tổ chức tại Điều 1 có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý trong thời hạn quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về Danh mục thiết bị phát sóng vô tuyến điện sử dụng trong mạng thông tin vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15 và báo cáo đột xuất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản.

Điều 4. Trong quá trình hoạt động, tổ chức có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

CỤC TRƯỞNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền
và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng băng tần hết hạn ít nhất là 60 ngày, tổ chức có nhu cầu tiếp tục sử dụng phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Mẫu 3a

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH
Cấp lần đầu ngày.....
Có hiệu lực từ ngày..... đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Giấy phép viễn thông số..... ngày.....của (tên tổ chức);

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của... (tên tổ chức)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh theo các quy định sau đây:

- 1. Tên vệ tinh (tên thương mại):**
- 2. Vị trí quỹ đạo:**
- 3. Vùng phủ sóng/vùng dịch vụ:**
- 4. Bảng tần vệ tinh:**
- 5. Số bộ phát đáp:**
- 6. Danh sách bộ phát đáp:**
- 7. Hồ sơ vệ tinh đăng ký với ITU:**
- 8. Ngày phóng vệ tinh:**
- 9. Tên tổ chức sở hữu quỹ vệ tinh:**

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Chấp hành quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế (International Telecommunication Union - ITU) liên quan tới sử dụng tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh theo quy định.

CỤC TRƯỞNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền
và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh đối với vệ tinh hết hạn ít nhất là 90 ngày, tổ chức có nhu cầu tiếp tục sử dụng phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Mẫu 3b

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../...

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TÀN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH
Cấp lần đầu ngày.....
Có hiệu lực từ ngày.....đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số.../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Giấy phép viễn thông số..... ngày.....của (tên tổ chức);

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép của... (tên tổ chức)...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh theo các quy định sau đây:

1. Tên vệ tinh (tên thương mại):

2. Số mặt phẳng quỹ đạo:

Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Góc nghiêng	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm cực viễn (km)	Điểm cực cận (km)

3. Vùng phủ sóng/vùng dịch vụ:

4. Bảng tần vệ tinh:

5. Số bộ phát đáp:

6. Danh sách bộ phát đáp:

7. Hồ sơ vệ tinh đăng ký với ITU:

8. Ngày phóng vệ tinh:

9. Tên tổ chức sở hữu quả vệ tinh:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định pháp luật về tần số vô tuyến điện;
- Chấp hành quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế (International Telecommunication Union - ITU) liên quan tới sử dụng tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh;
- Nộp lệ phí cấp giấy phép, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh theo quy định.

CỤC TRƯỞNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền
và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh hết hạn ít nhất là 90 ngày, tổ chức có nhu cầu tiếp tục sử dụng phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

(Xem tiếp Công báo số (967 + 968))

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng